TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/DS-ST
Ngày: 08 – 9 – 2020.
"V/v tranh chấp: Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Trần Hoàng Việt.

2/Bà Hà Ngân Kim Tới.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lý Thị Qual, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hướng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lý Thành H, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Số X, đường B, phường Y, quận Z, Thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: Quốc lộ X, ấp Y, xã B, huyện B, Thành phố H.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số X, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1948 (Vắng mặt).

2/ Bà Trương Thị M, sinh năm 1954 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số X, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/12/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết án, nguyên đơn ông Lý Thành H trình bày:

Vào ngày 20 tháng 5 năm 2018, ông H có cho ông Nguyễn Văn P vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) với lãi suất 02%/tháng. Việc vay tiền hai bên có làm giấy tờ và ông P có giao cho ông H giữ một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh S cấp ngày 01/10/1994 cho hộ ông Nguyễn Văn T (Bản gốc). Sau khi vay ông P chỉ đóng lãi cho ông H được 02 tháng với số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) rồi nhưng cho đến nay. Mặc dù ông H nhiều lần tìm gặp ông P để đòi lại số tiền trên nhưng ông P cố tình trốn tránh.

Nay ông Lý Thành H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1. Buộc ông Nguyễn Văn P có trách nhiệm trả số tiền gốc còn lại sau khấu trừ số tiền lãi đã đóng vượt mức quy định là 49.660.000đ (Bốn mươi chín triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) và tiền lãi chưa đóng kể từ ngày 20/7/2018 theo lãi suất 1,66%/tháng.

2. Ông H tự nguyện giao trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh S cấp ngày 01/10/1994 cho hộ ông Nguyễn Văn T (Bản gốc).

Bị đơn ông Nguyễn Văn P không có lời trình bày do vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo về việc thụ lý vụ án số 14/TB-TLVA ngày 14 tháng 02 năm 2020, tống đạt hợp lệ cho bị đơn ông Nguyễn Văn P nhưng ông P không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với ông P để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Pháo đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về việc vắng mặt của ông P, không tiến hành hòa giải được và ông P cũng không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, bà Trương Thị M không có lời trình bày do vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án biết được ông Lý Văn H đang cất giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh S cấp ngày 01/10/1994 cho hộ ông Nguyễn Văn T (Bản gốc) nên Tòa án xác định vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Trương Thị M (là cha, mẹ của ông Nguyễn Văn P) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên đã ban hành thông báo về việc thụ lý vụ án bổ sung số 31/TB-TLVA ngày 14 tháng 7 năm 2020, tống đạt hợp lệ cho ông T, bà M nhưng ông T, bà M không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với ông T, bà M để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T, bà M đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Tòa án đã lập biên bản về việc vắng mặt của ông T, bà M, không tiến hành hòa giải được và ông T, bà M cũng không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Về việc tuân thủ pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ cơ sở để khẳng định việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ gồm nợ gốc 49.660.000đ (Bốn mươi chín triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) và tính lãi theo quy định là có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của ông Lý Thành H về việc giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Trương Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Tại phiên tòa hôm nay các đương sự đều vắng mặt. Trong đó nguyên đơn ông Lý Thành H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Còn bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được tống đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Xét về hình thức và nội dung của hợp đồng vay tài sản giữa hai bên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Khi vay tiền hai bên có làm hợp đồng cụ thể ông Nguyễn Văn P có ký tên vào văn bản vay tiền và có giao cho ông H giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh S cấp ngày 01/10/1994 cho hộ ông Nguyễn Văn T (Bản gốc).

- Xét về quá trình thực hiện hợp đồng: Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã có đủ cơ sở xác định ông H có cho ông P vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) là sự thật. Ông H đã thực hiện đúng nghĩa vụ của người cho vay được quy định tại Điều 465 Bộ luật dân sự. Còn ông P sau khi vay tiền đã không thực hiện đúng như đã cam kết trong hợp đồng. Như vậy ông P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Theo đơn khởi kiện ông H thừa nhận ông P đã đóng lãi 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Do đó phần tiền này sẽ được khấu trừ vào tổng số tiền mà ông P phải thanh toán.

[3] Tài liệu, chứng cứ chứng minh: Theo như ông H trình bày thì từ khi vay đến nay ông P chỉ đóng lãi được hai tháng với số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) thì ngưng từ đó cho đến nay chưa thanh toán tiền gốc và lãi theo thỏa thuận. Do bị đơn ông P vắng mặt tại phiên tòa nên không thể đối chất giữa hai bên. Tuy nhiên

trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù bị đơn cố tình vắng mặt nhưng Tòa án đã cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ theo luật định và phía bị đơn không phản đối những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn đưa ra do đó nguyên đơn không phải chứng minh những tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án được quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Ông Nguyễn Văn P có vay của ông Lý Thành H 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Việc vay tiền của ông H ông P có làm hợp đồng. Do không thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng nên ông H yêu cầu Tòa án buộc ông P trả số tiền còn nợ là có căn cứ.

- Về lãi suất: Theo lãi suất trong hợp đồng hai bên thỏa thuận là 02%/tháng trên số tiền vay. Tuy nhiên lãi suất do các bên thỏa thuận cao hơn pháp luật quy định nên cần điều chỉnh lại theo mức lãi suất 1,66%/tháng (theo quy định của pháp luật) và ông H cũng đồng ý với lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự và điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Số tiền lãi được tính cụ thể như sau:

- Từ ngày 20/5/2018 (ngày vay) đến ngày 20/7/2018: 50.000.000đ x 1,66%/tháng x 02 tháng = 1.660.000đ. Như vậy số tiền 2.000.000đ (tiền lãi đã đóng) – 1.660.000đ (tiền lãi theo quy định) = 340.000đ (Tiền lãi chênh lệch). Số tiền này được trừ vào tiền gốc: 50.000.000đ – 340.000đ = 49.660.000đ.

- Từ 20/7/2018 đến ngày 08/9/2020 (ngày xét xử sơ thẩm): 49.660.000đ x 1,66%/tháng x 25 tháng + 18 ngày = 21.103.500đ (Hai mươi mốt triệu, một trăm lẻ ba nghìn năm trăm đồng).

Như vậy số tiền phải thanh toán là 49.660.000đ + 21.103.500đ = 70.763.500(Bảy mươi triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng).

[5] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh S cấp ngày 01/10/1994 cho hộ ông Nguyễn Văn T. Do ông H trình bày là đang cất giữ bản gốc giấy tờ trên nên Tòa án xác định vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Trương Thị M (cha, mẹ của ông P) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Quá trình giải quyết vụ án và qua thu thập các tài liệu, chứng cứ xác định được như sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đã bị thu hồi để cấp lại theo bản án số 31/2018/DS-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh S (cấp lại cho người khác).

- Ông Nguyễn Văn T đã chết ngày 08/10/2014.

Xét thấy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh S cấp ngày 01/10/1994 cho hộ ông Nguyễn Văn T không còn giá trị pháp lý và ông Lý Thành H cũng đồng ý trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Trương Thị M và kết quả giải quyết vụ án tranh chấp

hợp đồng vay tài sản giữa ông Lý Thành H với ông Nguyễn Văn P không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các con ông Nguyễn Văn T. Do đó Tòa án xét thấy không cần thiết phải đưa các con của ông Nguyễn Văn T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[6] Kiểm sát viên tại phiên tòa nêu quan điểm về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn ông Lý Thành H với bị đơn ông Nguyễn Văn P. Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Thành H.

2. Buộc ông Nguyễn Văn P hoàn trả cho ông Lý Thành H số tiền gốc và lãi là 70.763.500(Bảy mươi triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/9/2020) cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 1,66%/tháng đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lý Thành H giao trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Trương Thị M Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện M (nay là huyện T), tỉnh S cấp ngày 01/10/1994 cho hộ ông Nguyễn Văn T (Bản gốc).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn P phải nộp 3.538.175đ (Ba triệu, năm trăm ba mươi tám nghìn, một trăm bảy mươi lăm đồng) tiền án phí.

- Ông Lý Thành H không phải chịu án phí. Ông H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.675.000đ (Một triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo

biên lai thu số AA/2017/ 0002021 ngày 10/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S.

Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh S xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoàng

Nơi nhận:
-VKSND huyện T;
-Chi cục THA huyện T;
-TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
-Các đương sự.
-Lưu HSVA.